

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ**

Đến thời điểm 31/12/2011

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>371,363,078,172</b>	<b>354,922,936,753</b>
	(100=110+120+130+140+150)				
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>21,847,814,712</b>	<b>18,774,639,772</b>
1	Tiền	111		21,847,814,712	15,774,639,772
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	3,000,000,000
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>229,511,898,721</b>	<b>242,471,083,036</b>
1	Phải thu khách hàng	131	V.3	193,073,324,186	184,269,356,351
2	Trả trước cho người bán	132	V.4	26,513,348,799	57,612,650,916
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	-Vốn lưu động			-	-
	-Vốn cố định			-	-
	- Phải thu nội bộ khác			-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	V.5	10,396,001,141	1,059,851,174
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(470,775,405)	(470,775,405)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>107,034,708,627</b>	<b>82,059,052,011</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.7	107,034,708,627	82,059,052,011
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12,968,656,112</b>	<b>11,618,161,934</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	-	28,000,000
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		257,148,374	3,914,926,784
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	12,711,507,738	7,675,235,150
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>209,142,462,741</b>	<b>216,769,800,512</b>
	(200=210+220+240+250+260)				
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>127,646,718,029</b>	<b>139,447,306,148</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	117,264,289,912	103,900,564,123
	- Nguyên giá	222		162,405,705,688	140,862,263,633
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(45,141,415,776)	(36,961,699,510)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	547,665,697	720,612,733
	- Nguyên giá	228		1,729,470,426	1,729,470,426
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,181,804,729)	(1,008,857,693)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	9,834,762,420	34,826,129,292
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (*)</b>	<b>250</b>		<b>78,183,730,120</b>	<b>74,452,000,000</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.13	36,431,773,480	33,350,000,000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	20,099,956,640	19,450,000,000
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	21,652,000,000	21,652,000,000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3,312,014,592</b>	<b>2,870,494,364</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	3,306,514,592	2,864,994,364
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268	V.17	5,500,000	5,500,000
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>580,505,540,913</b>	<b>571,692,737,265</b>

	NGUỒN VỐN			SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ ( 300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>410,984,048,882</b>	<b>413,134,717,811</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>369,222,289,446</b>	<b>352,396,031,294</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	59,808,404,679	32,712,131,354
2	Phải trả người bán	312	V.19	164,637,416,178	143,261,241,284
3	Người mua trả tiền trước	313	V.20	60,065,743,430	125,243,598,693
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.21	11,725,949,091	2,798,733,590
5	Phải trả người lao động	315		19,176,882,929	17,330,356,479
6	Chi phí phải trả	316	V.22	20,322,609,510	5,862,786,125
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	32,290,830,966	23,818,560,849
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.24	1,194,452,663	1,368,622,920
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>41,761,759,436</b>	<b>60,738,686,517</b>
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.25	40,799,196,860	59,711,272,163
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	760,312,576	825,164,354
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		202,250,000	202,250,000
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>169,521,492,031</b>	<b>158,558,019,454</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.27	<b>169,521,492,031</b>	<b>158,558,019,454</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		79,968,970,000	79,968,970,000
	- Vốn cố định			16,067,058,695	16,067,058,695
	- Vốn lưu động			63,901,911,305	63,901,911,305
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		30,746,580,408	30,746,580,408
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(128,058,585)	(128,058,585)
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		38,437,015,825	32,213,253,801
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		3,831,578,038	2,941,472,470
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16,665,406,345	12,815,801,360
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>580,505,540,913</b>	<b>571,692,737,265</b>

Hà nội, ngày 20 tháng 01 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Quý IV và lũy kế đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV/2010	QUÝ IV/2011	LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2010	LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	159,621,569,204	155,652,199,884	490,336,165,220	535,979,450,371
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-		18,181,112
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dv	10		159,621,569,204	155,652,199,884	490,336,165,220	535,961,269,259
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	145,676,596,936	138,223,407,284	439,036,178,746	469,535,466,179
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13,944,972,268	17,428,792,600	51,299,986,474	66,425,803,080
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,886,710,050	3,023,066,771	9,369,952,563	5,477,959,225
Chi phí tài chính	22	VI.4	3,833,761,017	5,473,456,723	12,831,613,221	19,999,985,785
Chi phí bán hàng	24		3,450,000	-	3,450,000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	7,723,062,231	10,087,576,996	28,593,392,155	31,793,760,982
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,271,409,070	4,890,825,652	19,241,483,661	20,110,015,538
Thu nhập khác	31	VI.6	691,695,643	16,956,273	5,153,002,258	1,442,707,898
Chi phí khác	32	VI.7	16,081,465	65,673,879	1,247,803,823	353,617,197
Lợi nhuận khác	40		675,614,178	(48,717,606)	3,905,198,435	1,089,090,701
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,947,023,248	4,842,108,046	23,146,682,096	21,199,106,239
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	1,566,791,952	641,267,355	5,344,570,736	4,547,364,894
Chi phí thuế thu nhập.	52	V.21			-	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,380,231,296	4,200,840,691	17,802,111,360	16,651,741,345
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8				

Hà nội, ngày 20 tháng 01 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2011**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2011	NĂM 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	385,709,946,193	395,782,758,907
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-250,557,213,587	-246,375,353,223
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-35,607,815,053	-28,472,684,536
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-14,427,047,620	-6,508,680,548
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-1,604,940,184	-6,689,846,332
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	438,476,812,498	442,487,831,246
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-451,882,559,704	-471,859,710,961
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>70,107,182,543</b>	<b>78,364,314,553</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		0	0
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	63,200,001	28,272,728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	-178,364,974
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	290,276,973	3,196,071,167
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>353,476,974</b>	<b>3,045,978,921</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5,712,667,414	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-70,100,151,991	-77,715,478,982
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-64,387,484,577</b>	<b>-77,715,478,982</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>6,073,174,940</b>	<b>3,694,814,492</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>15,774,639,772</b>	15,079,825,280
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>21,847,814,712</b>	<b>18,774,639,772</b>

Hà Đông, ngày 20 tháng 01 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngụ

Nguyễn Văn Sơn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** :
  - Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
  - Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
  - Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
  - Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
  - Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
  - Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.
- 4. Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 1.148 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.160 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí} & & \text{Giá trị} & & \text{Thu nhập} & & \text{Các khoản} & & \text{Chi phí} & & \text{Lãi vay} \\ \text{sản xuất kinh doanh} & = & \text{sản lượng} & - & \text{chịu thuế} & - & \text{phụ phí} & - & \text{quản lý} & - & \text{ước tính} \\ \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{tính trước} & & \text{(nếu có)} & & \text{ước tính} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Riêng thiết bị của nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp số lượng, khối lượng sản phẩm và thời gian khấu hao là 25 năm.

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### ***Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà***

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### ***Chi phí bóc phủ khai thác mỏ đá***

Chi phí bóc phủ khai thác bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh 11.7 trước khi Công ty chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động khai thác đá.

### 10. Chi phí phải trả

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **12. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### **13. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

### **15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu hoạt động xây lắp***

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động xây lắp, được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có Biên bản nghiệm thu và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức được chia***



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### 16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	358.042.198	763.114.901
Tiền gửi ngân hàng	21.489.772.516	15.011.524.871
Tiền đang chuyển		-
Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>21.847.814.712</u></b>	<b><u>18.774.639.772</u></b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về khối lượng xây lắp	173.444.034.186	172.097.127.072
Phải thu về cung cấp điện, nước, vật liệu xây dựng	16.904.159.091	9.883.414.470
Phải thu tiền bán thành phẩm	2.725.131.565	2.288.814.809
<b>Cộng</b>	<b><u>193.073.324.186</u></b>	<b><u>184.269.356.351</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về khối lượng xây lắp	22.601.440.415	54.118.641.139
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	3.704.173.858	3.494.009.777
Trả trước cho nhà cung cấp điện	24.451.626	-
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	183.282.900	-
<b>Cộng</b>	<b><u>26.513.348.799</u></b>	<b><u>57.612.650.916</u></b>

### 4. Các khoản phải thu khác

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT, BHTN phải thu CBCNV	339.080.760	167.838.597
Tiền ăn phải thu CBCNV	404.333.844	182.120.014
Tiền vay lương của CBCNV	29.000.000	77.600.000
Phải thu các đội công trình	2.894.946.871	2.000.000
Phải thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng chi hộ cho chủ đầu tư	75.225.580	-
Các khoản phải thu khác	6.653.414.086	630.292.563
<b>Cộng</b>	<b><u>10.396.001.141</u></b>	<b><u>1.059.851.174</u></b>

### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(470.775.405)	(470.775.405)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(83.408.128)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(83.408.128)	(23.131.500)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(387.367.277)	(364.235.777)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(470.775.405)</u></b>	<b><u>(470.775.405)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	470.775.405	48.015.631
Trích lập dự phòng bổ sung	-	470.775.405
Giảm khác	-	(48.015.631)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>470.775.405</u></b>	<b><u>470.775.405</u></b>

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	313.166.830	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.424.218.298	10.173.186.721
Công cụ, dụng cụ	212.480.712	273.498.487
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	98.048.534.439	70.576.058.455
Thành phẩm	1.036.308.348	1.036.308.348
<b>Cộng</b>	<b><u>107.034.708.627</u></b>	<b><u>82.059.052.011</u></b>

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản	0	-
Chi phí thuê nhà	0	28.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>28.000.000</u></b>

### 8. Tài sản ngắn hạn khác

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	12.660.507.738	7.624.235.150
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000	1.000.000
Thuế GTGT được khấu trừ	257.148.374	
Tài sản thiếu chờ xử lý	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.968.656.112</u></b>	<b><u>7.675.235.150</u></b>

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	52.680.006.376	63.986.414.865	22.598.931.155	1.596.911.237	140.862.263.633
Tăng trong kỳ	23.424.297.954	145.000.000	-	178.527.272	23.747.825.226
Mua sắm mới	-	145.000.000	-	178.527.272	323.527.272
Đầu tư XD CB hoàn thành	23.424.297.954	-	-	-	23.424.297.954
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(1.628.846.772)	-	(575.536.399)	(2.204.383.171)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>76.239.387.599</u></b>	<b><u>62.307.333.649</u></b>	<b><u>22.598.931.155</u></b>	<b><u>1.260.053.285</u></b>	<b><u>162.405.705.688</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	9.700.299.083	16.012.761.155	9.834.818.103	1.413.821.169	36.961.699.510
Khấu hao trong kỳ	3.344.790.014	4.141.132.353	2.737.576.841	127.885.717	10.346.384.925
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(1.591.132.260)	-	(575.536.399)	(2.166.668.659)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>13.045.089.097</u></b>	<b><u>18.562.761.248</u></b>	<b><u>12.567.394.944</u></b>	<b><u>966.170.487</u></b>	<b><u>45.141.415.776</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	42.979.707.293	47.973.653.710	12.764.113.052	183.090.068	103.900.564.123
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>63.194.298.502</u></b>	<b><u>43.744.572.401</u></b>	<b><u>10.031.536.211</u></b>	<b><u>293.882.798</u></b>	<b><u>117.264.289.912</u></b>

Tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Thác Trắng có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 83.017.105.614 VND và 65.398.639.776 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Giá trị lợi thế kinh doanh</u>	<u>Giá trị thương hiệu Sông Đà</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>729.470.426</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.729.470.426</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	425.524.358	583.333.335	1.008.857.693
Khấu hao trong kỳ	72.947.040	99.999.996	172.947.036
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>498.471.398</b>	<b>683.333.331</b>	<b>1.181.804.729</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	303.946.068	416.666.665	720.612.733
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>230.999.028</b>	<b>316.666.669</b>	<b>547.665.697</b>

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<b>Mua sắm TSCĐ</b>	<b>28.958.738.784</b>	<b>6.842.200.417</b>	<b>34.020.477.201</b>	<b>1.780.462.000</b>
Tầng 7 tòa nhà Sông Đà Hà Đông	28.958.738.784	4.920.438.418	33.879.177.202	0
Mua sắm TSCĐ khác	-	1.921.761.999	141.299.999	1.780.462.000
<b>XDCB dở dang</b>	<b>5.867.390.508</b>	<b>5.264.733.026</b>	<b>3.317.453.844</b>	<b>7.814.669.690</b>
Dự án khai thác và SX đá XD	1.956.687.576	2.382.751.818	-	4.339.439.394
Văn phòng làm việc CN 11.7	1.849.700.208	1.467.753.636	3.317.453.844	0
Dự án KDC Hòa Bình	187.456.459	1.083.304.846	-	1.270.761.305
Khu ĐT Nhơn Trạch – Đồng Nai	1.873.546.265	330.922.726	-	2.204.468.991
<b>Sửa chữa lớn TSCĐ</b>	<b>0</b>	<b>579.630.730</b>	<b>340.000.000</b>	<b>239.630.730</b>
<b>Cộng</b>	<b>34.826.129.292</b>	<b>12.686.564.173</b>	<b>37.677.931.045</b>	<b>9.834.762.420</b>

### 12. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long <sup>(a)</sup>	1.800.000	18.581.773.480	1.550.000	15.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 <sup>(b)</sup>	1.785.000	17.850.000.000	1.785.000	17.850.000.000
<b>Cộng</b>		<b>36.431.773.480</b>		<b>33.350.000.000</b>

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0500589591 ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long 15.500.000.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 250.000 cổ phiếu với giá mua là 3.081.773.480 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nắm giữ 1.800.000 cổ phiếu, tương đương 36,00% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.550.000 cổ phiếu, tương đương 31% vốn điều lệ).

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long với tỷ lệ cổ phần sở hữu là 36% nhưng vẫn được trình bày ở khoản mục Đầu tư vào công ty con do Công ty có quyền biểu quyết đa số (3/5) trong các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty con.

- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3600974553 ngày 29 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 là 17.850.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong kỳ không có biến động về khoản đầu tư này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 17.850.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11.

### 13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà <sup>(a)</sup>	632.500	5.649.956.640	500.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông <sup>(b)</sup>	600.000	7.250.000.000	600.000	7.250.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà <sup>(c)</sup>	720.000	7.200.000.000	720.000	7.200.000.000
<b>Cộng</b>		<b>20.099.956.640</b>		<b>19.450.000.000</b>

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102174012 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà 5.000.000.000 VND, tương đương 33,12% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã mua thêm 52.500 cổ phiếu với giá mua là 649.956.640 VND và nhận 80.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nắm giữ 712.500 cổ phiếu, tương đương 36,12% vốn điều lệ (số đầu năm là 500.000 cổ phiếu, tương đương 33,12% vốn điều lệ).
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 06 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông 15.000.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ. Trong kỳ không có biến động về khoản đầu tư này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 600.000 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 9.000.000.000 VND.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561 ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Trong kỳ không có biến động về khoản đầu tư này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

### 14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>11.003.835.838</b>		<b>11.652.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà <sup>(i)</sup>	595.200	5.952.000.000	595.200	5.952.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch <sup>(ii)</sup>	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên <sup>(iii)</sup>		2.200.000.000		2.200.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
<b>Trái phiếu (kỳ hạn 36 tháng)</b>		<b>10.000.000.000</b>		<b>10.000.000.000</b>
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	10.000	10.000.000.000	10.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>21.652.000.000</b>		<b>21.652.000.000</b>

(i) Tổng vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà theo đăng ký là 8.000.000.000 VND, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó: từ nguồn vốn của Công ty là 4.000.000.000 VND, các cá nhân góp vốn ủy thác qua Công ty là 4.000.000.000 VND.

(ii) Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà.

(iii) Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà.

### 15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào	Số cuối kỳ
			chi phí trong kỳ	
Chi phí công cụ dụng cụ	1.225.448.910	2.040.464.374	2.324.458.856	941.454.428
Chi phí bóc phủ	1.639.545.454		327.909.091	1.311.636.363
Chi phí nạo vét lòng hồ		1.316.779.752	263.355.951	1.053.423.801
<b>Cộng</b>	<b>2.864.994.364</b>	<b>3.357.244.126</b>	<b>2.915.723.898</b>	<b>3.306.514.592</b>

### 16. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

### 17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>44.591.296.360</b>	<b>13.589.939.554</b>
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	0	-
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	0	-
Ngân hàng NN&PTNT Láng Hạ	29.705.636.242	13.589.939.554
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Quang Trung	14.885.660.118	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>15.217.108.319</i>	<i>19.122.191.800</i>
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	8.830.000.000	9.406.000.000
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	1.199.660.319	2.992.191.800
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	2.891.000.000	3.449.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	2.296.448.000	3.275.000.000
<b>Cộng</b>	<b>59.808.404.679</b>	<b>32.712.131.354</b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả như sau:*

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	13.589.939.554	19.122.191.800	32.712.131.354
Số tiền vay phát sinh	94.898.823.494	12.709.390.000	107.608.213.494
Số tiền vay đã trả	63.897.466.688	16.614.473.481	80.511.940.169
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>44.591.296.360</b>	<b>15.217.108.319</b>	<b>59.808.404.679</b>

### 18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp vật tư, TB, CCDC	51.149.733.292	24.957.828.715
Phải trả nhà cung cấp điện	1.903.853	-
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ	-	-
Phải trả nhà thầu xây lắp	109.772.929.770	110.368.929.272
Phải trả nhà cung cấp khác	3.712.849.263	7.934.483.297
<b>Cộng</b>	<b>164.637.416.178</b>	<b>143.261.241.284</b>

### 19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản ứng trước liên quan đến các hợp đồng xây dựng	59.914.320.576	123.330.125.273
Ứng trước tiền mua thành phẩm	-	-
Các khoản ứng trước khác	151.422.854	1.913.473.420
<b>Cộng</b>	<b>60.065.743.430</b>	<b>125.243.598.693</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	865.705.061	12.319.964.518	5.616.613.515	7.569.056.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.604.940.184	4.547.389.894	2.502.773.921	3.649.556.157
Thuế thu nhập cá nhân	170.130.345	429.723.467	456.829.857	143.023.955
Thuế tài nguyên	138.739.350	722.448.722	547.794.212	313.393.860
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	45.075.380	14.000.000	31.075.380
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.218.650	294.753.132	294.128.107	19.843.675
<b>Cộng</b>	<b>2.798.733.590</b>	<b>18.368.355.113</b>	<b>9.441.139.612</b>	<b>11.725.949.091</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm	10%
Hoạt động khác	5%

#### *Thuế tài nguyên*

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế đơn vị tài nguyên nhân (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 2%/ giá tính thuế.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp* (Xem thuyết minh số IV.14)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.199.106.239	18.199.659.848
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(3.009.646.663)	(3.088.544.712)
<i>Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)</i>	454.903.337	53.544.712
<i>Điều chỉnh giảm (Cổ tức được chia)</i>	(3.464.550.000)	(3.035.000.000)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>18.189.459.576</b>	<b>15.111.115.136</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>4.547.364.894</b>	<b>3.777.778.784</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>4.547.364.894</b>	<b>3.777.778.784</b>

#### *Thuế nhà đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí các công trình	17.110.870.307	4.241.102.533
Chi phí dịch vụ đã phát sinh		545.215.644
Tiền vật tư chưa có hóa đơn	3.161.332.385	979.360.945
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản		
Chi phí phải trả khác	50.406.818	97.107.003
<b>Cộng</b>	<b><u>20.322.609.510</u></b>	<b><u>5.862.786.125</u></b>

#### 22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.272.694.352	798.634.218
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.861.652.858	505.632.589
Phải trả các đội tiền khoán công trình	24.109.846.668	17.723.175.484
Nhân ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	128.601.719	216.065.325
Cổ tức phải trả các cổ đông	36.611.173	29.201.173
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.903.924.196	1.523.352.060
<b>Cộng</b>	<b><u>32.290.830.966</u></b>	<b><u>23.818.560.849</u></b>

#### 23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	835.769.280		96.900.000	738.869.280
Quỹ phúc lợi	532.853.640	890.105.568	967.375.825	455.583.383
<b>Cộng</b>	<b><u>1.368.622.920</u></b>	<b><u>890.105.568</u></b>	<b><u>1.064.275.825</u></b>	<b><u>1.194.452.663</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

### 24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Chi nhánh Ngân hàng DT&amp;PT Điện Biên</b>	<b>30.916.546.906</b>	<b>39.170.546.906</b>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.	27.612.123.867	35.866.123.867
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.	3.304.423.039	3.304.423.039
<b>Chi nhánh Ngân hàng DT&amp;PT Đông Đô</b>	<b>89.700.000</b>	<b>89.700.000</b>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.342.09/HĐTĐTH ngày 26/08/2010, vay để đầu tư mua máy móc thiết bị thuộc Dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009.	89.700.000	89.700.000
<b>CN Ngân hàng Công thương Quang Trung</b>	<b>187.159.257</b>	<b>3.240.049.257</b>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 028/2007/HĐTD ngày 05/03/2007, thời hạn vay 72 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Khai thác xà sản xuất đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường”	187.159.257	3.141.159.257
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 200410/HĐTD ngày 24/04/2010, thời hạn vay 60 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”	0	98.890.000
<b>Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà</b>	<b>9.605.790.697</b>	<b>17.210.976.000</b>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/123/09/TH ngày 12/7/2010, thời hạn vay là 60 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành	1.129.600.000	1.129.600.000
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/049/09/TH ngày 09/9/2009, thời hạn vay là 36 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua ô tô phục vụ công tác điều hành thi công		76.500.000
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/059/09/DH ngày 21/10/2009, thời hạn vay là 120 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7 - tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông	8.476.190.697	16.004.876.000
<b>Cộng</b>	<b>40.799.196.860</b>	<b>59.711.272.163</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

### *Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	15.217.108.319	19.122.191.800
Trên 1 năm đến 5 năm	40.799.196.860	59.711.272.163
Trên 5 năm		
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>56.016.305.179</u></b>	<b><u>78.833.463.963</u></b>
Trong kỳ không phát sinh tăng giảm các khoản vay dài hạn.		

### 25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	825.164.354	722.921.428
Số trích lập bổ sung	210.689.390	252.567.617
Số đã chi	275.541.168	(120.418.711)
Giảm khác		(29.905.980)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>760.312.576</u></b>	<b><u>825.164.354</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 26. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	30.747.580.408	(128.058.585)	21.349.814.198	1.877.472.470	21.291.439.603	125.138.248.094
Chia cổ tức 2009 bằng cổ phiếu	7.991.410.000						7.991.410.000
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	21.977.560.000	(1.000.000)					21.976.560.000
Lợi nhuận trong năm 2009	-	-	-	-	-	17.802.111.360	17.802.111.360
Phân phối lợi nhuận năm 2009						(21.282.849.603)	(9.355.410.000)
Trích quỹ ĐTPT, DPTC	-	-	-	10.863.439.603	1.064.000.000	(11.927.439.603)	-
Trích thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	(1.064.000.000)	(1.064.000.000)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(7.991.410.000)	(7.991.410.000)
Tạm ứng cổ tức 2010	-	-	-	-	-	(4.994.900.000)	(4.994.900.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>79.968.970.000</b>	<b>30.746.580.408</b>	<b>(128.058.585)</b>	<b>32.213.253.801</b>	<b>2.941.472.470</b>	<b>12.815.801.360</b>	<b>158.558.019.454</b>
Số dư đầu năm nay	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	32.213.253.801	2.941.472.470	12.815.801.360	158.558.019.454
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	16.651.716.345	16.651.716.345
Phân phối lợi nhuận năm 2010						(12.802.111.360)	(5.688.243.768)
Trích quỹ ĐTPT, DPTC	-	-	-	6.223.762.024	890.105.568	(7.113.867.592)	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	(890.105.568)	(890.105.568)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(4.798.138.200)	(4.798.138.200)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>79.968.970.000</b>	<b>30.746.580.408</b>	<b>(128.058.585)</b>	<b>38.437.015.825</b>	<b>3.831.578.038</b>	<b>16.665.406.345</b>	<b>169.521.492.031</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tập đoàn Sông Đà)	29.680.000.000	29.680.000.000
Vốn góp của các cổ đông	50.288.970.000	50.288.970.000
Thặng dư vốn cổ phần	30.746.580.408	30.746.580.408
Cổ phiếu quỹ	(128.058.585)	(128.058.585)
<b>Cộng</b>	<b><u>110.587.491.823</u></b>	<b><u>110.587.491.823</u></b>

### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ tức năm trước	4.798.138.200	7.991.410.000
Tạm ứng cổ tức	-	4.994.900.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.798.138.200</u></b>	<b><u>12.986.310.000</u></b>

### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.996.897	7.996.897
- Cổ phiếu phổ thông	7.996.897	7.996.897
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- Cổ phiếu phổ thông	5.100	5.100
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.991.797	7.991.797
- Cổ phiếu phổ thông	7.991.797	7.991.797
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>535.979.450.371</b>	<b>490.336.165.220</b>
Doanh thu bán điện thương phẩm	16.704.827.698	11.328.377.832
Doanh thu hoạt động xây dựng	436.317.633.012	398.962.931.558
Doanh thu hoạt động khác	82.956.989.661	80.044.855.830
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>(18.181.112)</b>	<b>0</b>
- Hàng bán bị trả lại	(18.181.112)	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>535.961.269.259</u></b>	<b><u>490.336.165.220</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	5.548.853.454	4.737.434.515
Giá vốn của hoạt động xây dựng	413.268.426.003	365.571.396.596
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	50.718.186.722	68.727.438.635
<b>Cộng</b>	<b>469.535.466.179</b>	<b>439.036.178.746</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	278.039.490	362.612.686
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay		3.626.195.290
Phí bảo lãnh	1.119.245.205	1.431.278.262
Lãi thu của các đội thi công	616.124.530	814.866.325
Cổ tức và lợi nhuận được chia	3.464.550.000	3.135.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.477.959.225</b>	<b>9.369.952.563</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17.665.337.715	11.400.334.959
Phí bảo lãnh	2.310.098.070	1.431.278.262
Chi phí tài chính khác	24.550.000	
<b>Cộng</b>	<b>19.999.985.785</b>	<b>12.831.613.221</b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	19.217.701.458	16.613.471.346
Chi phí vật liệu quản lý	2.161.694.930	1.653.448.009
Chi phí đồ dùng văn phòng	385.800.467	256.711.888
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.874.976.659	886.542.630
Thuế, phí và lệ phí	326.139.752	604.903.044
Chi phí dự phòng		470.775.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.100.763.699	2.904.765.310
Chi phí bằng tiền khác	4.726.581.715	5.202.774.523
<b>Cộng</b>	<b>31.793.760.982</b>	<b>28.593.392.155</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	384.292.637	44.565.000
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn		2.565.539.679
Hoàn nhập chi phí trích trước		290.592.534
Thu tiền bán vật tư		990.161.428
Thu tiền từ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	710.720.048	1.187.063.320
Bồi thường thiệt hại do nhà thầu gây ra	40.000.000	
Thu nhập bán hồ sơ thầu	909.091	
Thu nhập khác	306.786.122	75.080.297
<b>Cộng</b>	<b>1.442.707.898</b>	<b>5.153.002.258</b>

### 7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	37.714.512	
Xử lý khoản nợ phải thu không thu được		160.647.606
Các khoản tiền phạt (chậm nộp BHXH, thuế GTGT...)	229.313.649	66.054.905
Chi phí mua vật tư		980.103.638
Chi phí khắc phục thiệt hại do nhà Thầu gây ra	26.660.888	
Chi phí khác	59.928.148	40.997.674
<b>Cộng</b>	<b>353.617.197</b>	<b>1.247.803.823</b>

### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.233.355.832	1.292.974.064
Thù lao	738.000.000	464.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.971.355.832</b>	<b>1.756.974.064</b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Sông Đà	Cổ đông chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tập đoàn Sông Đà</b>		
Thu hồi vốn cho Tập đoàn vay		
Phụ phí công trình Nậm Chiến đã trả	313.203.534	330.359.929
Nhận ứng trước tiền CT Thủy điện Nậm Chiến	11.911.796.466	4.058.293.894
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long</b>		
<b>Giao dịch mua hàng</b>		
Giá trị xây lắp hoàn thành	35.815.645.853	32.549.741.482
Thuế GTGT	3.581.564.585	3.254.974.148
<b>Giao dịch bán hàng</b>		
Cung cấp vật tư	449.056.553	3.421.615.533
Thuế GTGT	44.905.655	342.161.553
<b>Giao dịch khác</b>		
Cổ tức được chia	2.340.000.000	3.035.000.000
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	355.529.690	136.830.487
Thu tiền cho vay vốn lưu động		300.000.000
Thu phí bảo hiểm thực hiện công trình	25.060.803	
Thuế GTGT	2.506.080	
Thanh toán tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng		506.193.759
Giá trị cổ phiếu trong năm	2.500.000.000	
Chênh lệch giá mua cổ phiếu	581.773.480	
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</b>		
<b>Giao dịch mua hàng</b>		
Giá trị xây lắp hoàn thành	40.260.441.366	35.561.414.163
Thuế GTGT	4.026.044.137	3.556.141.417
Tiền phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	365.951.739	433.990.448
<b>Giao dịch bán hàng</b>		
Cung cấp vật tư	528.765.420	
Thuế GTGT	52.876.542	
Thu phí bảo hiểm thực hiện công trình	30.684.533	-
Thuế GTGT	3.068.453	-
<b>Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà</b>		
Cổ tức được chia	-	100.000.000
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng</b>		
Góp vốn điều lệ	-	4.750.000.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</b>		
<b>Giao dịch mua hàng</b>		
Giá trị xây lắp hoàn thành	63.143.210.132	71.680.586.487
Thuế GTGT	6.314.321.013	7.168.058.649
<b>Giao dịch bán hàng</b>		
Doanh thu bán điện trong kỳ	826.795	-
Thuế GTGT	82.680	-
Giảm trừ doanh thu do quyết toán	-18.181.112	-
Thuế GTGT	-1.818.111	-
<b>Giao dịch khác</b>		
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	264.176.240	-
Cho vay vốn lưu động	-	25.954.486.663
Thu hồi vốn vay	-	25.954.486.663
Lãi vay vốn lưu động	-	718.798.568
Góp vốn bằng tài sản và công nợ	-	7.200.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tập đoàn Sông Đà</b>		
Phải thu về công trình xây dựng	364.235.777	364.235.777
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long</b>		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	4.451.077.680	6.111.550.235
Phải thu về khối lượng công trình xây dựng	3.760.512.006	5.420.984.561
Thu phí bảo hiểm thực hiện công trình	690.565.674	690.565.674
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</b>		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	10.950.389.988	14.489.741.349
Thu phí bảo hiểm thực hiện công trình	10.352.940.576	14.489.741.349
-	-	-
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</b>		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	9.562.941.437	16.859.021.692
9.562.941.437	9.562.941.437	16.859.021.692
<b>Cộng nợ phải thu</b>		
	<b>25.328.644.882</b>	<b>37.824.549.053</b>
<b>Tập đoàn Sông Đà</b>		
Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	1.903.853	4.058.855.247
Phải trả về tiền ứng trước công trình Nậm Chiến	1.903.853	561.353
		4.058.293.894
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long</b>		
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	21.823.900.290	22.554.315.399
21.823.900.290	21.823.900.290	22.554.315.399
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</b>		
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	23.338.644.087	24.082.122.060
23.338.644.087	23.338.644.087	24.082.122.060
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà</b>		
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	30.697.781.993	26.809.832.277
30.697.781.993	30.697.781.993	26.809.832.277

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>75.862.230.223</b>	<b>77.505.124.983</b>	
<b>2. Chi phí lãi vay vốn hoá</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>		
	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>	
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt		2.300.558.928	
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung	-		
<b>Tổng chi phí lãi vay vốn hoá</b>		<b>2.300.558.928</b>	
<b>3. Thông tin về bộ phận</b>			
<b>Lĩnh vực kinh doanh</b>			
Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:			
- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.			
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình.			
Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	<b><u>Lĩnh vực Xây lắp</u></b>	<b><u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u></b>	<b><u>Cộng</u></b>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	436.299.451.900	99.661.817.359	535.961.269.259
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>436.299.451.900</b>	<b>99.661.817.359</b>	<b>535.961.269.259</b>
Chi phí bộ phận	(429.155.003.579)	(72.174.223.582)	(501.329.227.161)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.144.448.321	27.487.593.777	34.632.042.098
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			34.632.042.098
Doanh thu hoạt động tài chính			5.477.959.225
Chi phí tài chính			(19.999.985.785)
Thu nhập khác			1.442.707.989
Chi phí khác			(353.617.197)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(4.547.364.894)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>16.651.741.345</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực Xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực ngoài xây lắp</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	348.756.244.238	111.587.037.767	460.343.282.005
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>120.162.258.908</u>
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u>580.505.540.913</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	323.097.006.235	85.730.027.408	408.827.033.643
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>2.157.015.239</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u>410.984.048.882</u></b>

#### 4. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi A&C.

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2012

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

**TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ  
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 11**

Số: 23 /SĐ11-TCKT

□V/v: Giải trình biến động lợi nhuận thực  
hiện sau thuế quý IV/ 2011 □

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Căn cứ:**

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/5/2006;
- Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;
- Quyết định số 325/QĐ-SGDHN ngày 04/06/2010 về việc ban hành quy chế công bố thông tin trên Sở Giao Dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Sông Đà 11 giải trình biến động về lợi nhuận thực hiện sau thuế quý IV/ 2011 so với quý IV/ 2010 như sau:

*Đơn vị tính: VNĐ*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Quý IV/2011</b>	<b>Quý IV/2010</b>	<b>Tỷ lệ thay đổi (%) năm 2011 so với năm 2010</b>
Lợi nhuận sau thuế	4.200.840.691	3.380.231.296	24,3%

Lợi nhuận thực hiện sau thuế quý IV/2011 biến động tăng so với quý IV/2010 ( tăng hơn 10%) là do:

Năm 2011 kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên với sự nỗ lực của đơn vị đã tiết kiệm được chi phí dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng. Mặt khác, trong quý IV/2011 đơn vị ghi nhận lợi nhuận từ việc chi trả cổ tức năm 2010 của các công ty con. Khoản lợi nhuận này không thuộc thu nhập chịu thuế khi tính thuế TNDN do đó chi phí thuế TNDN quý IV/2011 giảm so với cùng kỳ năm 2010 và làm cho lợi nhuận sau thuế quý IV/2011 biến động tăng so với quý IV/2010.

Công ty cổ phần Sông Đà 11 xin giải trình lợi nhuận thực hiện sau thuế của đơn vị trong quý IV/ 2011.

**Trân trọng cảm ơn!**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, TCHC.